

Nghiên cứu xây dựng từ điển địa danh tâm linh

Hoàng Thị Nhung*

Nhận ngày 04 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Hướng tới xây dựng mô hình từ điển địa danh tâm linh, bài viết tìm hiểu những khái niệm địa danh, tâm linh, từ điển địa danh tâm linh,... Những cơ sở đó góp phần xây dựng cấu trúc vĩ mô và vi mô của từ điển địa danh tâm linh, biên soạn một số mục từ mẫu. Điểm mới của những mục từ này là tập trung cung cấp những câu chuyện, truyền thuyết liên quan đến địa danh, và coi đó chính là những yếu tố tạo nên sắc màu tâm linh, điểm khác biệt của địa danh này so với địa danh khác. Những từ điển địa danh tâm linh theo mô hình này sẽ góp phần vào việc quảng bá du lịch, văn hóa, lịch sử địa phương.

Từ khóa: Địa danh, địa danh tâm linh, từ điển địa danh tâm linh.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: Aiming to compile a model of dictionaries of names of spiritual places, the paper explores the concepts of “place names”, “spirituality”, “dictionaries of names of spiritual places”... Those bases contribute to the macro - and microstructure of such dictionaries, while a number of sample entries are compiled. The new trait in the entries are their focus on providing stories and legends related to the place, and considering them to be the factors that create the spirituality and uniqueness of the place as compared with other ones. Dictionaries of names of spiritual places compiled in line with the model will contribute to the promotion of tourism to the localities and their cultures and history.

Keywords: Place names, names of spiritual places, dictionary of names of spiritual places.

Subject classification: Linguistics

1. Dẫn nhập

Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu một số tri thức liên quan đến khái niệm tâm linh, địa danh tâm linh, trên cơ sở đó, đề xuất một mô hình chung về *từ điển địa danh tâm linh* của một địa phương, và lấy địa danh tâm linh ở Quảng Bình để minh họa.

Đến với các điểm đến mang tính tâm linh, người ta không chỉ đơn thuần là đi ngắm cảnh, mà đúng như A.P.J Abdul Kalam (cựu Tổng thống Ấn Độ) quan niệm: “Du lịch tâm linh hoàn toàn khác với việc tham quan các địa danh và ngắm nhìn các chiều kích vật lý. Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng trái tim và tâm trí của những bậc hiền triết” (Lê Quang Đức, 2008). Còn theo cách định nghĩa của tác giả Thích Đạt Đạo: “Du lịch tâm linh là tìm hiểu văn hoá, giá trị truyền thống bằng cách thăm viếng từ tâm trí, trái tim, nuôi dưỡng và mở rộng sự hiểu biết hướng về cái thiện, hoà hợp với thiên nhiên, đồng loại, chúng sinh; nâng cao được giá trị tâm hồn, hiểu rõ hơn về tâm linh, đặc biệt đối với Phật giáo là hiểu hơn về chân lý giải thoát, giá trị chân thực của cuộc sống hiện tại” (Thích Đạt Đạo, 2010).

Với ý nghĩa đó, việc hiểu biết một cách sâu sắc về các địa danh tâm linh sẽ góp phần làm cho người sử dụng từ điển có được một chiều sâu văn hóa, tri thức và tâm hồn để cảm nhận hết những giá trị của các điểm tâm linh.

* Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hoangthinhungvtd@gmail.com

2. Cơ sở lí luận biên soạn từ điển địa danh tâm linh

2.1. Khái niệm tâm linh

Từ điển tiếng Việt định nghĩa “tâm linh” như sau:

tâm linh dt. (...) 2. tâm hồn, tinh thần [thường có tính chất thiêng liêng]. (...). (Hoàng Phê, 2015).

Theo tác giả Nguyễn Đăng Duy: “Tâm linh là cái linh thiêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được ngưng đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm” (Nguyễn Đăng Duy, 2002).

Tác giả Sơn Nam quan niệm: “Tâm linh tồn tại trong mọi mặt đời sống từ xưa cho tới nay, từ trong truyền thuyết, các bài văn tế, các tác phẩm văn học, trong việc thờ cúng tổ tiên, cúng cô hồn cho tới những ca khúc về tổ quốc và cả những hành động, mọi việc làm, nghĩa cử cao đẹp của con người bình thường trong cuộc sống” (Sơn Nam, 2001).

Trong bài viết này, với khái niệm *tâm linh* gắn với địa danh, có thể thấy, *tâm linh* được dùng theo nghĩa 2 trong *Từ điển tiếng Việt* và phù hợp với quan niệm của hai tác giả Nguyễn Đăng Duy và Sơn Nam. Đó là cái thuộc về tinh thần, có tính chất linh thiêng, gắn với niềm tin trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo.

2.2. Khái niệm địa danh

Về khái niệm “địa danh”, có nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến. Trong đó, đáng lưu ý là quan niệm của tác giả Lê Trung Hoa: “Địa danh là những từ hoặc ngữ, được dùng làm tên riêng của các địa hình thiên nhiên, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ và các công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều” (Lê Trung Hoa, 2006). Theo đó, địa danh gồm có địa danh tự nhiên và địa danh nhân tạo. Loại hình địa danh tự nhiên là tên gọi tên núi, rừng, sông, hồ, biển,... Địa danh nhân tạo bao gồm địa danh cư trú hành chính và công trình xây dựng. Địa danh cư trú hành chính lại bao gồm các tiểu loại: tên gọi dân gian, tên hành chính cũ, tên gọi hành chính hiện nay. Công trình xây dựng gồm có công trình xây dựng liên quan đến đời sống vật chất và công trình xây dựng liên quan đến đời sống tinh thần.

2.3. Khái niệm địa danh tâm linh

Tác giả Lê Cường quan niệm: “*địa danh tâm linh* là tên gọi những di tích, cụm công trình xây dựng hoặc các địa điểm tự nhiên, hành chính chứa đựng những giá trị linh thiêng về mặt tôn giáo, tín ngưỡng, hoặc mang dấu ấn về các giai thoại lưu truyền dân gian và luôn mang đến những niềm tin tinh thần lớn lao, những ý niệm về sức mạnh siêu nhiên giúp con người vượt qua khó khăn hoặc đạt được những điều ước, nguyện vọng trong cuộc sống” (Lê Cường, 2014: 3).

Địa danh tâm linh là những địa danh tự nhiên hoặc nhân tạo, chứa đựng những giá trị tinh thần mang tính linh thiêng, nơi con người có thể cầu nguyện, hoặc thực hành những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nhằm có một đời sống thể chất và tinh thần tốt hơn.

2.4. Đặc điểm địa danh tâm linh

Theo Nguyễn Đăng Khánh (2014), địa danh tâm linh "là sự hợp thành của ba yếu tố: 1) Có dấu ấn của tín ngưỡng bản địa hoặc dấu ấn tôn giáo; 2) Có giai thoại, truyền thuyết

lâu đời gắn với đối tượng địa danh đó và được nhân dân kính ngưỡng, lưu truyền; 3) Có không gian thiêng được bao quây bởi khung cảnh thâm nghiêm, huyền tịch".

Với những đặc điểm đó, những thông tin quan trọng liên quan đến địa danh tâm linh là các thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo; giai thoại, truyền thuyết; và không gian, cảnh quan tại địa điểm.

Địa danh tâm linh và địa danh lịch sử - văn hóa có nhiều mối giao thoa. Theo quy định tại các khoản 3, Điều 4, *Luật di sản văn hóa* (Quốc hội, 2013), di tích lịch sử - văn hóa là "công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học". Tại Khoản 1, Mục 1, Chương 4, di tích lịch sử - văn hóa được xác định rõ hơn, đó là:

"a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương;

b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kỳ lịch sử;

c) Địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu;

d) Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật".

Có thể thấy, trong các loại di tích lịch sử - văn hóa trên, cả bốn loại di tích đều có khả năng chứa các địa danh tâm linh. Có thể nói, địa danh tâm linh được bao trùm trong các loại di tích lịch sử - văn hóa; nhưng không phải di tích lịch sử - văn hóa nào cũng là địa danh tâm linh.

2.5. Các loại địa danh tâm linh

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Lê Cường xếp *Nhà thờ La Vang* vào nhóm địa danh hành chính với lí do: "Nhà thờ La Vang là một địa danh tâm linh (thánh địa) vừa mang tính chất công trình xây dựng vì có liên quan đến hệ thống nhà thờ và nhà hành lễ được xây dựng quy mô, vừa mang đặc điểm của một địa danh hành chính hay thiết chế tôn giáo do đã được xác định về mặt quy mô hành chính và trực thuộc sự quản lý của các cấp thẩm quyền" (Lê Cường, 2014: 8). Đối với địa danh *Chùa Sắc Tứ* cũng vậy: "Địa danh Chùa Sắc Tứ là một thiết chế tôn giáo trực thuộc sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Trị" (Lê Cường, 2014: 8). Tuy nhiên, cách xếp như vậy có phần khiên cưỡng. Bởi lẽ địa danh hành chính được quan niệm là tên gọi của những đơn vị hành chính từ trung ương đến địa phương. Do đó, trong bài viết này, chúng tôi không xếp địa danh hành chính thành một loại địa danh tâm linh.

Cũng trong nghiên cứu này, tác giả Lê Cường đã nhận thấy: "... ở tỉnh Quảng Trị địa danh hành chính và địa danh địa hình tự nhiên mang yếu tố tâm linh có số lượng không nhiều. Hầu hết các địa danh tâm linh là những công trình xây dựng như: chùa, miếu, đền, đình, nhà thờ, ví dụ: *miếu Nghè Phương Sơn, đình làng Mai Xá Chánh, miếu Bà Chúa Ngọc, Chùa Sắc Tứ, nhà thờ La Vang v.v...*" (Lê Cường, 2014: 4). Tình hình này dường như mang tính phổ biến. Bởi lẽ, những hoạt động tâm linh thường gắn nhiều hơn với các công trình xây dựng lên để làm nơi thờ cúng.

Theo quan điểm của chúng tôi, địa danh tâm linh gồm hai loại: tên gọi địa hình tự nhiên có giá trị tâm linh và tên gọi công trình nhân tạo có giá trị tâm linh.

2.5.1. Tên gọi địa hình tự nhiên có giá trị tâm linh

Thuộc về loại địa danh này là tên sông, tên núi, tên hang động,... gắn với những giá trị tâm linh được người dân tin tưởng, ngưỡng vọng. Đó là những địa danh tự nhiên nổi tiếng trên cả nước như: *núi Tản Viên, hòn Vọng Phu, động Hương Tích, sông Thạch Hãn,...*

Những địa danh này thường gắn với một câu chuyện, truyền thuyết hoặc những sự kiện có thật xảy ra trong lịch sử. Chính điều đó tạo nên sắc màu tâm linh. Ví dụ, trong nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Đăng Khánh đã kể về *Thạch Động*. Đó là một địa danh "có nhiều truyền thuyết, trong đó nổi bật là truyền thuyết về chàng Thạch Sanh, mà với trí nhớ người dân của vùng này, họ luôn tin tưởng và tự hào rằng Thạch Động là nơi phát sinh câu chuyện cổ tích nổi tiếng khắp cả nước "*Thạch Sanh Lý Thông*", là nơi Thạch Sanh chém chằn tinh để giúp dân làng, đồng thời cũng là nơi Thạch Sanh giết đại bàng và cứu công chúa, với bằng chứng xác thực trên đá, dưới chân đường thông thiên nhìn vào vách thạch nhũ còn hiện hữu những dấu vết chân chim, có hình đầu con đại bàng khổng lồ đang quắp một cô gái, có hình Thạch Sanh tay cầm búa đánh nhau với chằn tinh, trên vai vác công chúa để đưa công chúa lên khỏi hang động... Hơn nữa, động còn là nơi thờ Phật, không khí linh thiêng của cõi Phật như được hòa quyện và làm xoa dịu những oan hồn của 130 người dân Việt Nam vô tội bị bọn Pôn Pốt thảm sát năm 1978 tại chính động này, khiến sắc màu tâm linh ở đây được cộng hưởng một sắc thái hết sức đặc biệt. Đó có lẽ là cái khoảng cách giữa cái huyền hoặc và cái trần giới, giữa cái thiên đường và cái địa ngục, giữa xưa và nay được kéo gần đến mức không đường ranh giới. Có lẽ vì vậy, một khi đã đến nơi đây, mỗi người vì nhu cầu thường lăm hay vì nhu cầu tâm linh, đều không khỏi thực hành chiêm bái, với một mặc tưởng tâm linh xác thực để tìm một sự thư thái, an bình trong cõi tâm hồn" (Nguyễn Đăng Khánh, 2014). Chính những truyền thuyết, sự kiện lịch sử gắn với địa danh đã tạo nên sắc màu, giá trị tâm linh cho những điểm đến tự nhiên này.

2.5.2. Tên gọi công trình nhân tạo có giá trị tâm linh

Địa danh nhân tạo có giá trị tâm linh có thể chia thành hai loại: các công trình xây dựng tôn giáo và các công trình xây dựng tín ngưỡng. Trong đó, các công trình xây dựng tôn giáo gồm có: *văn miếu* (thuộc về Nho giáo), *chùa* (Phật giáo), *nhà thờ* (Kitô giáo), *quán* (nơi hoạt động thờ cúng của Đạo giáo), *tháp Chấm* (Ấn Độ giáo và Bà la môn giáo). Các công trình xây dựng tín ngưỡng gồm có: *đình, đền, miếu, phủ, am* (chùa nhỏ, miếu nhỏ nơi thờ các nhân vật lịch sử hay văn hóa hoặc thờ cúng cộng đồng sinh linh như am cô hồn, am công đồng...), *nghe* (công trình kiến trúc sớm được dựng lên để thờ Thần ở những đơn vị nhỏ hơn làng), *điểm* (kiến trúc được dựng lên ở đơn vị nhỏ hơn làng, xóm, giáp, ngõ để thờ thần thổ công, thổ địa trong xóm ngõ), *đàn* (nền ở một nơi cố định, khi tế lễ người ta mới dựng tạm kiến trúc).

Ngoài những địa danh có thật, còn có những địa danh hư cấu, những địa danh nằm trong các thần thoại, truyền thuyết, cổ tích. Trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi chưa có điều kiện đề cập đến những địa danh như vậy.

2.6. Khái niệm từ điển địa danh tâm linh

Từ điển địa danh tâm linh là một loại từ điển bách khoa, trong đó đầu mục là các địa danh tâm linh. Thông tin trong mỗi mục là những tri thức đa dạng về địa danh đó, nhằm

mục đích giúp cho người sử dụng có được những hiểu biết về địa danh đó không chỉ về mặt địa lí, cảnh quan, kiến trúc mà còn cả về chiều sâu, về những giá trị đối với đời sống tinh thần mang tính tâm linh mà nó đem lại.

Từ điển địa danh tâm linh có chức năng góp phần vào việc giải mã những giá trị tâm linh tại các địa danh; góp phần vào việc lưu giữ những giá trị tinh thần mang tính tâm linh của dân tộc; góp phần vào việc làm phong phú thêm đời sống tâm linh của người dân; ngoài ra, về mặt thực tế, nó có vai trò như một cẩm nang của ngành du lịch tâm linh.

3. Cơ sở thực tiễn biên soạn từ điển địa danh tâm linh (nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Bình)

3.1. Tình hình nghiên cứu và biên soạn từ điển địa danh tâm linh ở Việt Nam và Quảng Bình

Về việc nghiên cứu, hiện nay, chúng ta có thể thấy có một số nghiên cứu về từ điển địa danh của một số tác giả như Lê Trung Hoa, Nguyễn Thị Kim Cúc, Lê Thị Lan Anh,... dưới đây: Lê Trung Hoa (2014), “Công việc biên soạn từ điển địa danh địa phương”, Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư*; Nguyễn Thị Kim Cúc (2020), “Xây dựng mô hình từ điển địa danh lịch sử - Văn hoá Hà Nội và ứng dụng trên thiết bị di động phục vụ phát triển du lịch”, Tạp chí *Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*; Lê Thị Lan Anh (2022), “Cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa”, Tạp chí *Ngôn ngữ*,...

Trong nghiên cứu của mình, các tác giả đã bước đầu đưa ra được những cấu trúc vĩ mô và vi mô của một số loại mục từ địa danh như cấu trúc của địa danh hành chính, địa danh tự nhiên, địa danh là công trình xây dựng,...

Tác giả Lê Trung Hoa (2014) cho rằng: “mỗi tỉnh, thành ở Việt Nam hiện có từ 2.000 đến 5.000 địa danh. Vậy mỗi cuốn từ điển một tỉnh, thành có độ 3.500 mục từ là vừa đủ”. Chúng thuộc về 4 loại: “1. Loại chỉ địa hình thiên nhiên (tên sông, núi, đầm, gò,...); 2. Loại chỉ đơn vị hành chính (tên xã, phường, quận, huyện,...); 3. Loại chỉ các vùng lãnh thổ (tên các khu, vùng); 4. Loại chỉ các công trình xây dựng (tên cầu, đường, chợ,...)”. Cấu trúc của mỗi mục từ gồm có 7 nội dung: tên mục từ, tiểu loại địa danh, vị trí của đối tượng, các chi tiết liên hệ đến đối tượng, thời điểm ra đời của địa danh, nguồn gốc và ý nghĩa ban đầu của địa danh, sự chuyển biến của địa danh và đối tượng.

Nguyễn Thị Kim Cúc (2020) đã thiết lập bảng từ của cuốn *Từ điển địa danh lịch sử - văn hoá Hà Nội*, gồm 5.922 mục từ, ứng với 5.922 di tích lịch sử - văn hoá theo công bố trong danh mục kiểm kê di tích của Sở Văn hoá và Thể thao Hà Nội năm 2016. Trong mỗi mục từ, các thông tin sẽ được cấu trúc như sau: 1. Tên địa danh (tên riêng, như: *Hoàn Kiếm, Một Cột, Đồng Xuân*); 2. Tên gọi khác (nếu có); 3. Loại địa danh (hồ, chùa, chợ...); 4. Loại hình du lịch (du lịch lịch sử - văn hoá/ du lịch tâm linh - lễ hội/ du lịch mua sắm/...); 5. Vị trí địa lí; 6. Giá trị lịch sử - văn hoá; 7. Kết nối với các địa danh cùng loại hình và cùng địa bàn; 8. Một số thông tin du lịch. Tất cả những nội dung của cấu trúc vĩ mô và vi mô trên của từ điển sẽ được thiết kế thử nghiệm ứng dụng trên thiết bị di động.

Lê Thị Lan Anh (2022) quan niệm địa danh lịch sử - văn hoá gồm 5 loại sau: Địa danh lịch sử - văn hoá chứa di tích lịch sử văn hoá; Địa danh lịch sử - văn hoá gắn với các di chỉ khảo cổ học; Địa danh lịch sử - văn hoá là các danh lam, thắng cảnh; Địa danh lịch sử - văn hoá là đơn vị cư trú như làng, xã, thôn, bản, vùng đất, huyện; Địa danh lịch sử - văn hoá

là các công trình giao thông, các công trình xây dựng. Với các loại địa danh đó, cùng với một số tiêu chí lựa chọn, các tác giả đã lập ra được một danh sách gồm 1.000 địa danh lịch sử - văn hóa ở Thanh Hóa. Cấu trúc thông tin trong mỗi mục gồm: (1) Tên mục từ, tên gọi khác (nếu có); (2) Loại hình địa danh; (3) Vị trí địa lý; (4) Giá trị lịch sử - văn hoá; (5) Kết nối du lịch; (6) Đặc sản du lịch; (7) Loại hình du lịch và xếp hạng (nếu có).

Mặc dù những nghiên cứu riêng, cụ thể về từ điển địa danh tâm linh thì chưa xuất hiện, nhưng trong những công trình nghiên cứu trên, các tác giả cũng vô tình hoặc hữu ý đề cập đến những vấn đề liên quan đến địa danh tâm linh.

Trong các công trình biên soạn liên quan đến địa danh trên cả nước, những địa danh ở Quảng Bình nói chung và địa danh tâm linh ở Quảng Bình nói riêng cũng luôn có mặt. Địa danh Việt Nam nói chung được biên soạn trong một số công trình sau: Đinh Xuân Lâm (2007), *Từ điển địa danh lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục; Nguyễn Như Ý (2011), *Từ điển địa danh văn hoá lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam; Vũ Ngọc Khánh (2000), *Chuyện kể địa danh Việt Nam*, Nxb Thanh niên; Vũ Ngọc Khánh (2022), *Sự tích và giai thoại về địa danh Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc; Nguyễn Trường Tân biên soạn (2019), *Cẩm nang du lịch - Văn hóa tâm linh Việt Nam*, Nxb Thanh niên.

Trong các công trình trên, đáng chú ý là *Cẩm nang du lịch - Văn hóa tâm linh Việt Nam*, do tác giả Nguyễn Trường Tân biên soạn. Trong công trình này, tác giả không trình bày một cách tường minh điểm du lịch tâm linh là gì nhưng cho biết, trên cả nước, “có hơn chục ngàn di tích, thắng cảnh, mà trong đó, hơn 3.000 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và hơn 5.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh” [Lời đầu sách, Nguyễn Trường Tân, 2019: 8]. Tuy nhiên, trong mỗi tỉnh, tác giả mới chỉ có điều kiện giới thiệu một số *điểm du lịch tâm linh*, và đó là đình, chùa, đền, miếu,... những địa điểm thờ tự tôn giáo, tín ngưỡng. Về Quảng Bình (tr.255-260), tác giả giới thiệu bốn địa danh sau: *An Xá (chùa)*, *Quan Âm (chùa)*, *Liễu Hạnh công chúa (đền)*, *Mỹ Thố - Trung Lược (miếu)*. Thông tin trong mỗi mục được trình bày ngắn gọn, ví dụ mục *Liễu Hạnh công chúa (đền)* như sau:

"LIỄU HẠNH CÔNG CHÚA (đền): Đền nằm dưới chân núi Đèo Ngang, ở một khu đất khá bằng phẳng, sát đường thiên lý Bắc - Nam trước đây, phía sau đền là dãy Hoành Sơn, thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. *Qua truyền thuyết dân gian, công chúa Liễu Hạnh đã để lại một hình ảnh mẫu mực xứng đáng là tấm gương của các thế hệ phụ nữ.* [người viết nhấn mạnh]. Đền Liễu Hạnh công chúa ở Đèo Ngang có diện tích khoảng 335m², từ ngoài vào, lần lượt qua cổng đền, bức bình phong, tam quan, hai trụ đầu lân trước điện thờ, đền Tiên, đền Hậu. Nhìn tổng thể kiến trúc của đền, đây là một kiến trúc tuy nhỏ, được xây dựng bằng đá, gạch, vôi nhưng vẫn bảo lưu được bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này được thể hiện qua kết cấu cổng tam quan được bố trí một cách đối xứng, cân đối và hài hòa. Đền đã được xếp hạng di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh" (Nguyễn Trường Tân, 2019: 259).

Có thể thấy, giá trị của điểm du lịch tâm linh này nằm ở chỗ phân thông tin tri thức về truyền thuyết kể về công chúa Liễu Hạnh thì chỉ được tác giả đề cập đến trong một câu và kèm theo đó là đánh giá chủ quan của tác giả. Người đọc không được cung cấp thông tin gì để có thể tự có những nhận định riêng.

Có liên quan cụ thể đến Quảng Bình, ngoài các công trình về Việt Nam nói chung, hai công trình sau được đề cập đến tập trung hơn: Nguyễn Tú (1991), *Non nước Quảng Bình*, Nhật Lệ; Nhiều tác giả (1997), *Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung Bộ*, Nxb Giáo dục, do tập thể các tác giả ở Huế biên soạn để giới thiệu trên 70 địa danh từ Quảng Bình đến Quảng Trị.

Như vậy, về địa danh tâm linh ở tỉnh Quảng Bình, chưa có một công trình nào coi đây là đối tượng nghiên cứu và biên soạn nhằm phát triển lĩnh vực du lịch tâm linh tại địa phương. Trong khi đó, nói đến Quảng Bình, người ta không chỉ biết đến đây là vùng đất của những hang động kì vĩ, mà còn là nơi có số lượng địa danh tâm linh đáng kể.

3.2. Các địa danh tâm linh ở Quảng Bình

3.2.1. Số lượng địa danh tâm linh ở Quảng Bình

Như trên chúng ta đã xác định, địa danh tâm linh gồm có hai loại: tên gọi địa hình tự nhiên có giá trị tâm linh và tên gọi công trình nhân tạo có giá trị tâm linh.

Về địa danh nhân tạo, theo Phạm Ngọc Hiền (2015): "tỉnh Quảng Bình có 60 ngôi chùa, nhưng do thời cực, chiến tranh nên rất nhiều ngôi chùa đã bị tàn phá, hủy diệt". Trong số 60 ngôi chùa đó, có 4 ngôi được công nhận là Di tích Văn hóa Lịch sử cấp tỉnh, trong đó, hai ngôi cấp Quốc gia là *Hoằng Phúc* và *An Xá*. Tính đến năm 2021, tỉnh Quảng Bình có 133 di tích đã được xếp hạng; trong đó, 79 di tích cấp tỉnh, 54 di tích quốc gia và quốc gia đặc biệt (theo Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa ở Quảng Bình: Kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra, quangbinh.dcs.vn, 2021). Trong số các di tích, đa số có thể xếp vào loại địa danh tâm linh và cũng có mặt tên một số ngôi chùa (5 ngôi chùa) trong số 60 ngôi chùa trên toàn tỉnh. Do đó, để thiết lập danh sách bảng đầu mục của *Từ điển địa danh tâm linh tỉnh Quảng Bình*, chúng ta có thể lấy đó làm căn cứ, sau đó, bổ sung thêm những địa danh tâm linh khác có thể có mà không được xếp vào loại di tích được xếp hạng. Ngoài ra, để có một con số đầy đủ, cần có sự khảo sát thêm về các địa danh tâm linh ở các huyện, thị chưa được xếp hạng di tích.

3.2.2. Các loại địa danh tâm linh ở Quảng Bình

Về cơ bản, các địa danh tâm linh ở Quảng Bình có thể chia thành hai loại lớn: tên gọi công trình nhân tạo và tên gọi địa hình tự nhiên. Căn cứ vào danh sách các di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh (chưa đầy đủ) mà chúng tôi có được, có thể chia các địa danh tâm linh thành một số tiểu loại nhỏ hơn nữa. Ví dụ, trong loại địa danh tự nhiên, có thể gồm địa danh là các bến sông, núi, hang động,... Địa danh nhân tạo có thể gồm: chùa, đình, lăng mộ,...

3.3. Đề xuất mô hình Từ điển địa danh tâm linh Quảng Bình

3.3.1. Cấu trúc vĩ mô

Về tư cách các đơn vị đầu mục: Căn cứ vào khái niệm về địa danh tâm linh đã xác định và thực tiễn các loại địa danh tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Từ điển thu thập các địa danh tự nhiên và địa danh nhân tạo. Địa danh tâm linh thiên nhiên tại Quảng Bình có thể kể đến: *Cửa Nhật Lệ*, *Hang Tám Cô*, *Núi Thần Đình*,... Địa danh nhân tạo có thể kể đến: *Đền Liễu Hạnh công chúa*, *Đình Hòa Ninh*, *Chùa Quan Âm tự*, *Chùa Ngọa Cương*, *Miếu Nam Lành*,... Những địa danh này cần được khảo sát thực tế để có thể lựa chọn thu thập vào bảng từ. Trong đó, tiêu chí quan trọng nhất là yếu tố tâm linh của các địa danh. Những tên gọi của các di tích lịch sử - văn hóa không phải tên gọi nào cũng có thể xếp vào địa danh tâm linh.

Về chuẩn chính tả của các đơn vị đầu mục: Tên của các đầu mục là tên gọi chính thức trong các văn bản chính thống của nhà nước như các danh sách công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh, tên ghi trên bản đồ, tên ghi trên biển hiệu của địa danh,...

Về cách sắp xếp: các địa danh có thể được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái hoặc theo từng đơn vị cấp huyện, hoặc cũng có thể sắp xếp theo loại hình các đầu mục. Về cách sắp xếp theo loại hình các đầu mục, có thể lường phân thành địa danh tự nhiên và địa danh nhân tạo. Trong mỗi loại, các địa danh lại có thể chia thành các nhóm nhỏ hơn.

3.3.2. Cấu trúc vi mô

Trên cơ sở một số nội dung được các tác giả đi trước gợi ý (Lê Trung Hoa, 2014; Nguyễn Thị Kim Cúc, 2020; Lê Thị Lan Anh, 2022; Nguyễn Trường Tân, 2019;....) và với mục đích chủ yếu hướng tới cung cấp và truyền cảm xúc cho người dùng về giá trị tâm linh của địa danh, trong cấu trúc vi mô của từ điển này, ngoài những thông tin thông thường của một địa danh, sẽ chú trọng vào việc thuật lại những truyền thuyết, câu chuyện, sự kiện lịch sử đã diễn ra tại địa điểm, những yếu tố cơ bản góp phần tạo nên tính tâm linh cho địa danh. Căn cứ vào hai loại mục: địa danh tự nhiên và địa danh nhân tạo, từ điển có hai dạng cấu trúc vi mô lớn. Trong đó, các thông tin trong các mục là địa danh tự nhiên lần lượt là:

- (1) Tên mục từ, tên gọi khác (nếu có); Nguồn gốc, sự thay đổi của tên gọi.
- (2) Loại hình địa danh;
- (3) Vị trí địa lý;
- (4) Miêu tả về mặt hình thức của địa danh: độ cao, độ rộng, chiều sâu; hình dáng; cảnh quan;....
- (5) Các truyền thuyết, câu chuyện, sự kiện lịch sử,...
- (6) Đánh giá giá trị tâm linh, giá trị lịch sử, văn hoá; các dịch vụ có thể có; xếp hạng (nếu có).

Ví dụ, mục *Cửa Nhật Lệ* có thể soạn như sau:

CỬA NHẬT LỆ

Nơi sông Nhật Lệ đổ ra biển Đông, cách trung tâm thành phố Đồng Hới khoảng 3km, thuộc địa phận phường Đồng Hải và xã Bảo Ninh.

Cửa biển Nhật Lệ có từ thời Lý và có nhiều tên gọi khác nhau như “Trú Nha”, “Cửa Sài”,... Trú Nha có nghĩa là “hàm răng kín”, miêu tả hình dáng, cấu trúc của cửa sông. Nhật là mặt trời, lệ được hiểu là đẹp, Nhật Lệ là “sự rực rỡ của ánh sáng mặt trời”. Sông Nhật Lệ chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, bắt nguồn từ núi U Bò, Co Roi, thuộc dãy Trường Sơn, phía tây tỉnh Quảng Bình, uốn quanh thành phố Đồng Hới trước khi đổ ra biển. Vào lúc bình minh, khi mặt trời nhô dần lên khỏi cồn cát Bảo Ninh, nhìn từ bờ nam về hướng đông, người ta sẽ thấy con sông như được dát vàng lấp lánh, rực rỡ. Cửa Nhật Lệ là một loại cửa lệch không rộng, không sâu, nước chảy đều thuận lợi cho các thuyền vừa và nhỏ vào, ra neo đậu. Chính vì thế, nơi đây ghi nhiều dấu ấn trong lịch sử đất nước.

Năm 1044, vua Lý Thái Tông cho tập kết binh thuyền ở cửa biển Nhật Lệ trước khi đánh dẹp quân Chiêm. Năm 1069, một trong những cột mốc đánh dấu sự hình thành tỉnh Quảng Bình, vua Lý Thánh Tông cùng Lý Thường Kiệt đã chỉ huy thủy quân vượt qua cửa Nhật Lệ, tiến vào kinh đô Chiêm Thành, bắt sống vua Chế Củ. Từ đây, ba châu Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (bắc Quảng Trị) của nước Chiêm nhập vào Đại Việt.

Năm 1470, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, thủy quân tập kết ở cửa biển Nhật Lệ, sáng tác bài thơ “Nhật Lệ hải tán”:

Trời sáng thuyền vua tới cửa sông
Hà Cừ phát phối đấng quân hồng
Đất cồn cát lạnh tà soi bến
Sương gió gò hoang ngọn cỏ hồng
Vua ngự còn thuyền tích sự kỳ
Quân hùng mãi chép chuyện thời Trần
Tuần Nam nay chỉ theo người trước
Mở rộng biên cương vạn dặm hồng

Trong 50 năm thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, cửa biển Nhật Lệ trở thành chiến trường ác liệt giữa hai bên. Chúa Nguyễn đã sai Đào Duy Từ và Nguyễn Hữu Dật thiết kế và thi công hệ thống thành lũy quân sự kiên cố. Ở phía Đông có lũy Động Cát bắt đầu từ cửa Nhật Lệ chạy dọc dải cát ven biển để phòng quân đối phương tấn công từ biển vào. Ở phía Nam là các lũy Trường Dục, Đầu Máu, Động Hải... với lũy cao hào sâu, bố phòng chặt chẽ cộng thêm dây xích sắt giăng ngang và cọc nhọn đóng ngay cửa biển. Nhờ đó mà trong gần 50 năm giao tranh, nhà Trịnh vẫn không đánh bại được họ Nguyễn.

Cửa biển Nhật Lệ là nơi thực dân Pháp hai lần tấn công và đổ quân lên thành phố Đồng Hới (19-7-1885 và 27-3-1947). Ngày 18-8-1954, thi hành Hiệp định Giơnevơ, quân viễn chinh Pháp phải lên tàu rút ra cửa biển Nhật Lệ.

Ngày 30-6-1964, biệt kích người nhái của Mỹ - Ngụy lén lút đổ quân lên cửa biển Nhật Lệ đã bị quân dân ta đánh trả quyết liệt. Trong chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, cửa biển Nhật Lệ là cảng biển quan trọng, nơi có tàu thuyền vận chuyển lương thực, vũ khí từ Bắc vào chi viện cho chiến trường miền Nam. Nơi đây đế quốc Mỹ đã tập trung đánh phá ác liệt, với các trận thủy lôi bom từ trường ném xuống nơi đây. Tuy nhiên, mạch máu giao thông trên sông vẫn không ngừng với những tấm gương anh hùng liệt sỹ: Trương Pháp, mẹ Suốt, Nguyễn Thị Kháu... Đặc biệt là hình ảnh mẹ Suốt, khi đã gần 60 tuổi, mẹ vẫn tham gia chèo đò chở bộ đội, thương binh và vũ khí qua sông. Ngày nay, tại cửa biển Nhật Lệ, tượng đài mẹ Suốt được dựng lên, trở thành nơi chiêm bái của người dân và du khách.

Với cảnh đẹp và là địa danh gắn với nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc, cửa biển Nhật Lệ được công nhận là di tích lịch sử và danh thắng cấp quốc gia theo Quyết định số 97/QĐ ngày 21-1-1992 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Các thông tin trong các mục địa danh tâm linh nhân tạo lần lượt là:

- (1) Tên mục từ, tên gọi khác (nếu có); Nguồn gốc, sự thay đổi của tên gọi.
- (2) Loại hình địa danh;
- (3) Vị trí địa lý;
- (4) Miêu tả về mặt hình thức của địa danh;
- (5) Thuật lại lịch sử xây dựng, hình thành của địa danh;
- (5) Các truyền thuyết, câu chuyện, sự kiện lịch sử,... gắn với địa danh;
- (6) Giá trị tâm linh, giá trị lịch sử, văn hoá; xếp hạng (nếu có).

Ví dụ:

ĐỀN LIỄU HẠNH CÔNG CHÚA

Đền nằm dưới chân núi Đèo Ngang, sát đường thiên lý Bắc - Nam trước đây, gần hầm đường bộ hiện nay, thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. Phía sau đền là dãy Hoành Sơn, phía

trước mặt là hồ nước ngọt của thôn Quảng Đông, mặt đền quay hướng Nam cũng là hướng biển. Khuôn viên Đền có diện tích gần 6.000 m², gồm 03 tòa thờ Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam, trong đó 01 miếu thờ chính được cho là nằm ngay vị trí quán xưa của bà chúa Liễu. Từ ngoài vào, lần lượt qua cổng đền, bức bình phong, tam quan, hai trụ đầu lân trước điện thờ, đền Tiền, đền Hậu. Đền có kiến trúc nhỏ, diện tích khoảng 335m², được xây dựng bằng đá, gạch, vôi. Chủ đề trang trí của Đền là các hình tượng như Tứ Linh (long, lân, quy, phụng), tứ thủ (cầm, kỳ, thi, họa), tứ quý (tùng, trúc, mai, sen) và nhiều biểu tượng cúc hóa long, mai hóa long, tùng hóa long...

Công chúa Liễu Hạnh, cùng Sơn Tinh, Thánh Gióng và Chử Đồng Tử là bốn vị thánh được nhân dân gọi là “Tứ bất tử”. Ngoài ba vị nam thần có từ thời Hùng Vương và được thờ nhiều nơi từ rất lâu thì Mẫu Liễu Hạnh là hình mẫu người phụ nữ duy nhất được đưa vào hệ thống thần thánh từ đời hậu Lê. Bà được coi là người mẹ cai quản vùng trời, vị thánh mẫu đứng đầu hệ thống Tam Phủ, Tứ Phủ thờ đạo Mẫu của người Việt. Đền thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh nằm bên dãy Hoàng Sơn cũng là nơi ghi dấu cho sự tích giáng trần của bà tại đây.

Tương truyền Ngọc Hoàng có cô công chúa thứ hai tên là Quỳnh Hoa, tuy tính tình bướng bỉnh nhưng sống rất khuôn phép. Nhân một lần nàng đánh vỡ chén ngọc, vua cha đã giáng xuống trần gian để dạy bảo nàng. Công chúa đầu thai làm con gái của một gia đình họ Lê ở Nam Định, được đặt tên là Giáng Tiên, dung mạo xinh đẹp tuyệt trần. Đến năm 18 tuổi, nàng lập gia đình. Năm 21 tuổi, nàng mất dù không bệnh tật gì. Dẫu cuộc đời ngắn ngủi nhưng nàng đã trót tha thiết với cuộc sống chốn nhân gian. Thương tình, Ngọc Hoàng cho nàng thêm hai lần đầu thai làm người. Ở hai lần giáng trần này, nàng lấy hiệu là Liễu Hạnh, ra sức phù trợ để nhân dân ấm no, từ việc ủng hộ tiền bạc để đắp đê ngăn lũ đến xây dựng cầu cống, mở rộng đường sá; chữa bệnh, cứu giúp người cơ cực.

Vào thời vua Lê Thánh Tông, Liễu Hạnh hóa thân thành cô gái đẹp dựng quán hàng ở chân đèo Ngang. Ngày nào quán cũng đông khách. Bất cứ ai lên xuống đèo đều ghé vào. Hễ ai vào nghỉ ngơi, ăn bánh, uống nước rồi tiếp tục lên đường thì không sao, còn ai giở trò cợt nhả, làm điều bất chính thì khi trở về, không lẫn ra chết cũng hóa điên dại.

Tiếng đồn đại về cô chủ quán đèo Ngang lan nhanh ra đến Thăng Long. Một hoàng tử con vua Lê Thánh Tông vốn ham mê sắc dục, liền cùng một số kẻ hầu người hạ, cải trang vào tận nơi để thỏa mãn tính hiếu kỳ. Liễu Hạnh đã biết trước chuyện này, hóa phép thành cây đào tiên ven đường, có một quả chín mọng. Hoàng tử hái định ăn, thì quả đào nhỏ dần rồi biến mất. Chàng trai trẻ không hiểu việc Liễu Hạnh cảnh cáo mình, nên vào quán, nấn ná đến chiều rồi xin nghỉ lại. Đêm đến, cô chủ quán vẫn ngồi trò chuyện với Hoàng tử đến khuya. Chàng liền buông lời chòng ghẹo, cô từ chối, bỏ vào nhà trong. Chàng theo vào thì không thấy cô chủ đâu mà chỉ thấy một cô gái xinh đẹp khác, vừa đụng đến cô ta thì hóa thành một con khỉ cái già. Chàng hoảng quá, rú lên. Bọn lính hầu nằm ngoài sân xông vào, con khỉ lại hóa thành con rắn mang hoa bò qua người hoàng tử rồi leo lên xà nhà, miệng phun lửa. Hoàng tử được đưa về kinh và trở nên điên dại. Các thầy thuốc giỏi đều bó tay. Nhà vua hỏi ra ngọn ngành, bèn sai người vào Thanh nhờ tám vị Kim Cương, bộ hạ của Phật bà, đánh nhau với Liễu Hạnh ba ngày ba đêm liền. Tám vị Kim Cương không làm được gì Liễu Hạnh bèn về xin Phật bà giúp đỡ mới bắt được Liễu Hạnh. Liễu Hạnh xưng mình là con Trời, và nói việc nàng trừng trị bọn đàn ông hay chòng ghẹo đàn bà con gái là hợp phép nước. Nhà vua nghe xong, đổi giận làm lành, thả nàng về núi.

Lễ hội đền Liễn Hạnh công chúa Quảng Bình diễn ra trong 3 ngày, từ mùng 1 tháng 3 đến mùng 3 tháng 3 âm lịch hàng năm, tại thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đền Liễn Hạnh công chúa nổi tiếng linh thiêng, là điểm dừng chân của du khách trên đường từ Bắc vào Nam. Đền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xếp hạng di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp tỉnh.

Có thể thấy, để hiện thực hóa được công trình này, cần có sự khảo sát cụ thể về từng địa danh tâm linh tại địa phương để có những tên đầu mục đầy đủ, chính xác và thu thập thông tin, tài liệu cụ thể, chi tiết về từng địa danh đó để có thể cung cấp những thông tin phong phú, hữu ích, góp phần duy trì, truyền bá giá trị tâm linh của địa danh.

4. Kết luận

Bài viết đã tìm hiểu những cơ sở lí luận và thực tiễn về *Từ điển địa danh tâm linh* và nghiên cứu trường hợp cụ thể về địa danh tâm linh tại tỉnh Quảng Bình, từ đó, đề xuất mô hình biên soạn một cuốn *Từ điển địa danh tâm linh*. Tuy nhiên, để có thể tiến hành biên soạn cuốn từ điển này, điều quan trọng là cần nghiên cứu, khảo sát và tìm hiểu cụ thể hơn nhiều vấn đề liên quan như số lượng các địa danh tại một địa phương, sự chính xác về tư cách là địa danh tâm linh cũng như các thông tin cụ thể về từng địa danh.

Đối với một đất nước nông nghiệp như Việt Nam, các giá trị tinh thần mang tính tâm linh có một sức sống mạnh mẽ và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống nhân dân. *Từ điển địa danh tâm linh* góp phần vào việc lưu giữ và quảng bá những giá trị tâm linh tại các địa phương. Ngoài những giá trị văn hóa, lịch sử, những địa điểm đó còn mang những giá trị tâm linh, giá trị gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần của người dân Việt Nam, tạo nên sức mạnh nội lực của dân tộc. Bên cạnh những giá trị đó, *Từ điển địa danh tâm linh* mang nhiều ý nghĩa đối với du khách cũng như đối với những người quản lý. Đối với du khách, từ điển phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin nhiều mặt về các địa danh tâm linh. Đối với người quản lý các điểm đến, những thông tin trong từ điển góp phần giúp họ tự nhận thức rõ ràng, cụ thể hơn về những giá trị của của điểm đến. Qua đó, họ có thể có những đường hướng phát triển để cung cấp thêm những dịch vụ phục vụ nhu cầu cao hơn của du khách như tác giả Hồ Kỳ Minh đã đề xuất: “Du lịch tâm linh hiện nay được thể hiện trên nhiều cung bậc, nhiều dạng. Dạng thứ nhất, đó là những hoạt động tham quan, văn cảnh tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Đây là dạng hẹp nhất, chưa thể hiện được ý nghĩa của hoạt động du lịch này nhưng lại là hoạt động phổ biến nhất hiện nay; Dạng thứ hai được mở rộng hơn với cách hiểu là tìm đến các địa điểm, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bên cạnh tham quan văn cảnh thì còn để cúng bái, cầu nguyện. Dạng này có mở rộng hơn nhưng mới chỉ phù hợp với những đối tượng có theo tôn giáo, tín ngưỡng; Dạng thứ ba có mục đích chính là tìm hiểu các triết lý, giáo pháp khiến cho con người trầm tĩnh, để tâm hồn thư thái, cải thiện sức khỏe và cảm nhận chính bản thân mình” (Hồ Kỳ Minh, 2015: 5). Tại Việt Nam nói chung và ở Quảng Bình nói riêng, các điểm du lịch tâm linh hầu như đều chưa đạt đến khả năng phục vụ dạng hoạt động du lịch ở cấp độ thứ ba này.

Tài liệu tham khảo

Cổng Thông tin điện tử Quảng Bình. (2023). Danh sách các di tích - danh thắng được công nhận trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. <https://dukhach.quangbinh.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/13978710067377/1681184755950>

- Dương Đức Minh. (2016). Du lịch tâm linh tại Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*. Số X5. 37-45.
- Hoàng Phê (chủ biên, Vietlex, 2015). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Hồ Kỳ Minh (chủ nhiệm). (2013). *Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*. [Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng].
- Lê Cường. (2014). Địa danh tâm linh ở tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Trường Đại học Khoa học Huế, tập 2. Số 2. 1-13.
- Lê Quang Đức. (2008). Du lịch để tìm lại chính mình. *Đà Nẵng online*. <https://baodanang.vn/>
- Lê Thị Lan Anh. (2022). Cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Ngôn ngữ*. Số 1. 3-12.
- Lê Trung Hoa. (2006). *Địa danh học Việt Nam*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Trung Hoa. (2014). Công việc biên soạn từ điển địa danh địa phương. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*. Số 1. 104-107.
- Nguyễn Đăng Duy. (2002). *Văn hoá tâm linh*. Nxb. Văn hoá thông tin.
- Nguyễn Đăng Khánh. (2014). Sắc màu tâm linh trong địa danh Việt Nam qua yếu tố giai thoại và truyền thuyết. *Tạp chí Đại học Sài Gòn*. Số 21.
- Nguyễn Đình Hùng. (2014). *Nghiên cứu địa danh tỉnh Quảng Bình*. [Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh].
- Nguyễn Thị Kim Cúc. (2020). Xây dựng mô hình từ điển địa danh lịch sử - Văn hoá hà nội và ứng dụng trên thiết bị di động phục vụ phát triển du lịch. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*. 15(6). 128-138.
- Nguyễn Trường Tân (biên soạn, 2018). *Cẩm nang du lịch - Văn hóa tâm linh Việt Nam*. Nxb. Thanh niên.
- Phạm Ngọc Hiền. (2015). Lịch sử phát triển Phật giáo tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Thông tin khoa học & công nghệ Quảng Bình*. Số 3. 83-85.
- Quốc hội (2013). *Luật di sản văn hóa*.
- Sơn Nam. (2001). Nói thêm về tâm linh trong liên hệ với văn hoá Việt Nam. Trong sách *Văn hoá Việt Nam - Đặc trưng và cách tiếp cận*. Nxb. Giáo dục.
- Thích Đạt Đạo. (2010). Hoằng pháp với vấn đề du lịch tâm linh. *Đại Tạng kinh Việt Nam*. <http://www.daitangkinhvietnam.org>
- Vũ Ngọc Khánh. (2022). *Sự tích và giai thoại về địa danh Việt Nam*. Nxb. Văn hóa dân tộc.